

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **44** /2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **15** tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về một số chế độ, chính sách đối với
Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Quy chế về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về một số chế độ, chính sách đối với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Điều 1. Vị trí, vai trò và tổ chức, hoạt động

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân; hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý

của Nhà nước theo quy định của pháp luật; là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân, là đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức chặt chẽ, tổ chức và hoạt động theo điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Biên chế, chế độ, chính sách

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao biên chế hàng năm theo vị trí việc làm phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động trên cơ sở cân đối biên chế, ngân sách hàng năm của Trung ương và các địa phương.

2. Đối với cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động làm việc tại cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức và những người là công chức trước đây (tính từ khi Liên hiệp được thành lập đến ngày Luật cán bộ, công chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010) công tác ở các ban của Đảng, Đoàn thể, các cơ quan nhà nước được điều động, luân chuyển về công tác tại cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong chỉ tiêu biên chế được giao thì việc quản lý, sử dụng, chế độ, chính sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

3. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm làm việc tại cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, cơ quan thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong chỉ tiêu biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, chế độ, chính sách được áp dụng theo quy định của Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, chế độ, chính sách áp dụng theo Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Người đã nghỉ hưu được bầu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách trong chỉ tiêu biên chế được giao của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hưởng chế độ thù lao theo quy định của pháp luật.

6. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo chuyên trách của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Phụ cấp chức vụ của Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban khu vực, các ban chức năng, Văn phòng, văn phòng đại diện của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; phụ cấp chức vụ của lãnh đạo chuyên trách, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban chức năng, Văn phòng của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Kinh phí hoạt động

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho các hoạt động đối ngoại nhân dân, chi thường xuyên, thông tin đối ngoại và nghiên cứu, xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tiếp nhận và sử dụng các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước được hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

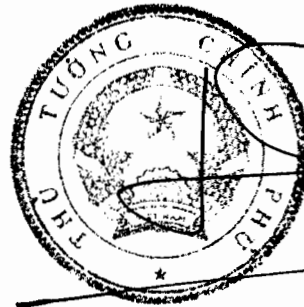
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

2. Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHQT (3b). **300**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng